SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỈNH THANH HÓA
CHI CỤC KIỂM LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 422/QĐ-CCKL

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét tuyển viên chức vòng 2

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KIỂM LÂM THANH HOÁ

Căn cứ Khoản 2, Điều 67, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý; Quyết định số 3049/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc Thành lập Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy chế tuyển dụng viên chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 và Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Kế hoạch số 40/KH-SNN&PTNT ngày 01/9/2020, Phương án số 3395/PA-SNN&PTNT ngày 01/9/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các đơn vị trực thuộc Sở năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-CCKL ngày 06/10/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức Chi cục Kiểm lâm năm 2020;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển viên chức Chi cục Kiểm lâm năm 2020 và Trưởng phòng Tổ chức, tuyên truyền và xây dựng lực lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự vòng 2, kỳ xét tuyển viên chức Chi cục Kiểm lâm, gồm: 106 thí sinh *(Có danh sách thí sinh kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng xét tuyển viên chức Chi cục Kiểm lâm năm 2020; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2 QĐ;
- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Lưu: VT, TC, TT&XDLL.

CHI CỤC TRƯỞNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH THANH HÓA
CHI CỤC KIỂM LÂM THANH HÓA

Mai Hữu Phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VÒNG 2 CỦA CHI CỤC KIỂM LÂM NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 422 /QĐ-CCKL ngày 13 /10/2020 của Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Trình độ chuyên môn			Trình độ Tin học	Trình độ ngoại ngữ	Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên (nếu có)
					Trình độ	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo *(lấy theo bảng điểm)*				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Phùng Tuấn Dũng	9/3/1996	Nam	Kinh	Đại học	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	
2	Hoàng Văn Sơn	23/3/1993	Nam	Kinh	Đại học	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4	Kiểm lâm	
3	Vũ Đình Thọ	12/10/1970	Nam	Kinh	Đại học	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	
4	Nguyễn Thế Tình	2/9/1981	Nam	Kinh	Đại học	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	B	B	Kiểm lâm	
5	Lang Văn Chung	20/11/1996	Nam	Thái	Đại học	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	Người DTTS
6	Trương Thế Tài	20/10/1981	Nam	Kinh	Đại học	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	B	B	Kiểm lâm	
7	Phạm Văn Đức	15/9/1989	Nam	Kinh	Đại học	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	B	B	Kiểm lâm	
8	Tào Văn Khoa	20/10/1990	Nam	Kinh	Đại học	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	
9	Vi Thị Giang	26/5/1997	Nữ	Thái	Đại học	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	Người DTTS

10	Lê Ngọc Long	20/4/1972	Nam	Kinh	Đại học	Lâm học	Lâm học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	
11	Hoàng Huy Phúc	12/2/1988	Nam	Kinh	Đại học	Lâm học	Lâm học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	
12	Lộc Văn Mai	2/1/1995	Nam	Thái	Đại học	Lâm học	Lâm học	B	B	Kiểm lâm	Người DTTS
13	Nguyễn Văn Tuấn Anh	6/12/1996	Nam	Kinh	Đại học	Lâm sinh	Lâm sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	
14	Lê Thị Thảo	6/1/1989	Nữ	Kinh	Đại học	Lâm học	Lâm học	B	B	Kiểm lâm	Con thương binh
15	Vi Thị Thống	14/4/1994	Nữ	Thái	Đại học	Lâm sinh	Lâm sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP 377 điểm	Kiểm lâm	Người DTTS
16	Lê Văn Nam	20/8/1995	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Quản lý tài nguyên rừng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP 370 điểm	Kiểm lâm	
17	Hà Văn Linh	25/9/1994	Nam	Thái	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Quản lý tài nguyên rừng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	Người DTTS
18	Nguyễn Trịnh Long Vũ	28/10/1997	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên và Môi trường	Quản lý tài nguyên và Môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	
19	Hoàng Hưng Thông	28/9/1996	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Quản lý tài nguyên rừng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	Kiểm lâm	
20	Lê Khả Linh	6/2/1988	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	B	B	Kiểm lâm	
21	Nguyễn Hoàng Vân	10/1/1989	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và Môi trường	Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và Môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	Con thương binh

22	Vũ Ngọc Kiên	9/5/1985	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	B	B	Kiểm lâm	
23	Phạm Văn Hoạt	5/9/1990	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và Môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	Kiểm lâm	
24	Vũ Văn Dũng	23/8/1990	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	Con thương binh
25	Phạm Thị Quyên	17/3/1991	Nữ	Thái	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và Môi trường	B	B	Kiểm lâm	Người DTTS
26	Hà Thị Hằng Hương	15/4/1996	Nữ	Thái	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Quản lý tài nguyên rừng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP 380 điểm	Kiểm lâm	Người DTTS
27	Mai Như Phượng	17/10/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	B	B	Kiểm lâm	
28	Phạm Mạnh Hùng	21/12/1993	Nam	Mường	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Quản lý tài nguyên rừng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	Người DTTS
29	Hoàng Trọng Huy	9/3/1998	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên và Môi trường	Quản lý tài nguyên và Môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP 407 điểm	Kiểm lâm	
30	Cao Văn Hải	20/6/1993	Nam	Mường	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Quản lý tài nguyên rừng	B	B	Kiểm lâm	Người DTTS
31	Lê Văn Tùng	19/8/1993	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Quản lý tài nguyên rừng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	
32	Nguyễn Đình Luân	18/7/1990	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Quản lý tài nguyên rừng	B	B	Kiểm lâm	
33	Hồ Việt Hà	19/8/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP 353 điểm	Kiểm lâm	

34	Lê Thanh Hiền	7/11/1994	Nữ	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	B	Bậc 4	Kiểm lâm	
35	Vi Huyền Trang	25/8/1998	Nữ	Thái	Đại học	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	Người DTTS
36	Phạm Minh Vương	11/10/1995	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	B	B	Kiểm lâm	
37	Lê Thị Phương	10/8/1993	Nữ	Kinh	Đại học	Khuyến nông	Khuyến nông	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	Kiểm lâm	
38	Nguyễn Minh Trung	12/7/1996	Nam	Kinh	Đại học	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	
39	Phùng Hoàng Long	24/5/1988	Nam	Kinh	Đại học	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	B	B	Kiểm lâm	
40	Nguyễn Thị Thanh	1/9/1991	Nữ	Kinh	Đại học	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	B	B	Kiểm lâm	
41	Nguyễn Thị Loan	1/2/1993	Nữ	Mường	Đại học	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3	Kiểm lâm	Người DTTS
42	Nguyễn Thị Tú	22/5/1993	Nữ	Kinh	Đại học	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	B	A2	Kiểm lâm	
43	Trịnh Thanh Sơn	4/7/1995	Nam	Kinh	Đại học	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	
44	Nguyễn Thị Hiền	20/4/1990	Nữ	Kinh	Đại học	Khoa học môi trường	Môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	C	Kiểm lâm	
45	Cao Huy Dương	6/7/1994	Nam	Kinh	Đại học	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	Tin học trình độ B	B	Kiểm lâm	
46	Nguyễn Thị Linh	24/7/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	

47	Phạm Văn Tiếp	17/3/1984	Nam	Kinh	Đại học	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	B	B	Kiểm lâm	Con thương binh
48	Phạm Bá Liêm	1/11/1989	Nam	Kinh	Đại học	Khuyến nông & phát triển nông thôn	Khuyến nông phát triển nông thôn	B	B	Kiểm lâm	
49	Phạm Văn Biên	2/9/1989	Nam	Kinh	Đại học	Khuyến nông & phát triển nông thôn	Khuyến nông phát triển nông thôn	B	B	Kiểm lâm	
50	Nguyễn Văn Bình	20/5/1986	Nam	Kinh	Đại học	Chế biến lâm sản	Chế biến lâm sản	B	B	Kiểm lâm	Con thương binh
51	Nguyễn Thị Hương	26/9/1978	Nữ	Kinh	Đại học	Tin học	Tin học		B	Kiểm lâm	
52	Lê Thị Tâm	2/11/1985	Nữ	Kinh	Đại học	Tin học	Tin học		B	Kiểm lâm	
53	Lê Tiến Hiểu	22/5/1990	Nam	Kinh	Đại học	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin		Bậc 2	Kiểm lâm	
54	Hơ Chứ Pó	13/5/1990	Nam	Mông	Đại học	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính và truyền thông		Bậc 3	Kiểm lâm	Người DTTS
55	Lâu Văn Tùng	17/3/1995	Nam	Mông	Đại học	Hệ thống thông tin quản lý	Tin học kinh tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	Kiểm lâm	Người DTTS
56	Hà Thị Xuân	14/2/1990	Nữ	Thái	Đại học	Quản lý Văn hóa	Quản lý Văn hóa	B	B	Kiểm lâm	Người DTTS
57	Trần Tất Dương	27/6/1995	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý nhà nước	Quản lý tổ chức và nhân sự	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP 367 điểm	Kiểm lâm	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự
58	Nguyễn Văn Tuấn	5/2/1990	Nam	Kinh	Đại học	Nông học	Nông học	B	B	Kiểm lâm	
59	Trịnh Thị Hà Trang	26/3/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Luật	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3	Kiểm lâm	
60	Lê Thị Phương Thảo	20/12/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Luật	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEIC 730 điểm	Kiểm lâm	
61	Hoàng Xuân Toàn	15/9/1996	Nam	Kinh	Đại học	Luật	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP 350 điểm	Kiểm lâm	

62	Nguyễn Văn Nghĩa	29/9/1977	Nam	Kinh	Đại học	Luật	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	Hoàn thành nghĩa vụ Quân sự
63	Lê Quang Lực	7/11/1985	Nam	Kinh	Đại học	Luật	Luật	B	B	Kiểm lâm	Hoàn thành nghĩa vụ Công an
64	Nguyễn Văn Lợi	15/12/1984	Nam	Kinh	Đại học	Luật	Luật	B	C	Kiểm lâm	
65	Nguyễn Công Minh	18/12/1986	Nam	Kinh	Đại học	Luật	Luật	B	B	Kiểm lâm	
66	Hoàng Văn Ba	10/4/1990	Nam	Kinh	Đại học	Luật	Luật	B	B	Kiểm lâm	
67	Trần Văn Thành	3/4/1978	Nam	Kinh	Đại học	Luật	Luật	B	B	Kiểm lâm	
68	Lê Thị Diệu Linh	14/2/1998	Nữ	Kinh	Đại học	Luật	Luật	B	B	Kiểm lâm	
69	Lê Thùy Hương	29/6/1993	Nữ	Mường	Đại học	Luật	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	Người DTTS
70	Phạm Bá Thắng	7/9/1986	Nam	Thái	Đại học	Luật	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	Kiểm lâm	Người DTTS
71	Lê Trung Hiếu	3/1/1998	Nam	Kinh	Đại học	Luật	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	
72	Lê Hoàng Khải	19/11/1982	Nam	Kinh	Đại học	Luật Kinh tế	Luật Kinh tế	B	B	Kiểm lâm	Con thương binh
73	Ngân Thị Nguyện	12/5/1995	Nữ	Mường	Đại học	Luật Kinh tế	Luật Kinh tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP 407 điểm	Kiểm lâm	Người DTTS
74	Hồ Văn Hiếu	20/5/1983	Nam	Kinh	Đại học	Luật Kinh tế	Luật Kinh tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	Kiểm lâm	
75	Mai Văn Thắng	5/6/1991	Nam	Kinh	Đại học	Luật Kinh tế	Luật Kinh tế	B	B	Kiểm lâm	
76	Mai Văn Lượng	22/2/1991	Nam	Kinh	Đại học	Luật Kinh tế	Luật Kinh tế	B	B	Kiểm lâm	

77	Nguyễn Bích Ngọc	31/7/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Luật Kinh tế	Luật Kinh tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP 417 điểm	Kiểm lâm	
78	Lê Thị Vân	18/9/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Luật Kinh tế	Luật Kinh tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3	Kiểm lâm	
79	Nguyễn Thị Đào	20/11/1990	Nữ	Kinh	Đại học	Luật	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	C	Kiểm lâm	Con bệnh binh
80	Đỗ Thị Ngọc Anh	6/2/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Luật	Luật hình sự	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	Kiểm lâm	
81	Hoàng Thị Thanh Thúy	2/11/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Luật	Luật hình sự	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3	Kiểm lâm	
82	Lê Thu Dung	15/7/1995	Nữ	Kinh	Đại học	Luật	Luật Tư pháp hình sự	Ứng dụng CNTT nâng cao	Tiếng Anh Bậc 3	Kiểm lâm	
83	Trương Kiều Oanh	1/5/1996	Nữ	Kinh	Đại học	Kinh tế	Kinh tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kiểm lâm	
84	Hoàng Thị Thu Hồng	9/9/1980	Nữ	Kinh	Đại học	Kinh tế	Kinh tế phát triển	B	B	Kiểm lâm	
85	Nguyễn Thế Cung	5/9/1991	Nam	Kinh	Đại học	Kinh tế	Kinh tế Thương mại	B	B	Kiểm lâm	
86	Nguyễn Đình Cường	3/9/1986	Nam	Kinh	Đại học	Kinh tế nông nghiệp	Kinh tế nông nghiệp	B	B	Kiểm lâm	
87	Nguyễn Thị Nhung	14/6/1984	Nữ	Kinh	Đại học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Quản trị Kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP 363 điểm	Kiểm lâm	
88	Cao Việt Cường	10/8/1995	Nam	Kinh	Đại học	Quản trị Kinh doanh	Quản trị Kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3	Kiểm lâm	

89	Trịnh Thị Phương	20/3/1987	Nữ	Kinh	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP 367 điểm	Kiểm lâm	
90	Vũ Hoàng Ngân	20/7/1992	Nam	Kinh	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	Kiểm lâm	
91	Thao Thị Ly	13/4/1994	Nữ	Mông	Đại học	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	Kiểm lâm	Người DTTS
92	Lê Văn Quang	8/6/1983	Nam	Kinh	Trung cấp	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	Kiểm lâm	
93	Gia Tông Xua	3/6/1991	Nam	Mông	Cao đẳng	Lâm nghiệp	Lâm nghiệp	B	B	Kiểm lâm	Người DTTS
94	Lê Văn Tuyên	22/12/1971	Nam	Kinh	Trung cấp	Kỹ thuật Lâm nghiệp	Kỹ thuật Lâm nghiệp	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	Kiểm lâm	
95	Hơ Văn Dia	14/4/1982	Nam	Mông	Trung cấp	Chăn nuôi-Thú y	Chăn nuôi-Thú y	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	Kiểm lâm	Người DTTS
96	Võ Tiến Tâm	17/11/1973	Nam	Kinh	Trung cấp	Cơ khí máy tàu biển	Cơ khí máy tàu biển	B	B	Kiểm lâm	
97	Đồng Văn Thủy	21/7/1986	Nam	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	B	Bậc 2	Kế toán	
98	Trần Văn Năm	20/6/1983	Nam	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	B	B	Kế toán	Hoàn thành nghĩa vụ Quân sự
99	Doãn Thị Thúy	23/7/1984	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kế toán	
100	Nguyễn Thị Phượng	20/7/1993	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Tin học trình độ B	B	Kế toán	
101	Lê Thị Trang	13/9/1997	Nữ	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	Kế toán	

102	Lê Duy Huy	6/4/1996	Nam	Kinh	Đại học	Kế toán	Kiểm toán	Ứng dụng CNTT cơ	B	Kế toán	
103	Hà Thị Ngư	19/2/1997	Nữ	Thái	Đại học	Kế toán	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL ITP 353 điểm	Kế toán	Người DTTS
104	Cao Bá Hưng	24/8/1989	Nam	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	Kế toán	
105	Ngân Thị Thảo	5/2/1994	Nữ	Thái	Đại học	Kế toán	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	Kế toán	Người DTTS
106	Phạm Văn Tình	28/12/1982	Nam	Kinh	Đại học	Kế toán	Kế toán Kiểm toán	B	B	Kế toán	

(Danh sách này gồm có 106 Thí sinh)